

Dự án thoát nước Thành phố Hà nội (giai đoạn I)

Dự án được phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, số 112/TTg ngày 15/2/1996. Tổng số vốn đầu tư của dự án là 200 triệu USD kể cả dự phòng và trượt giá, trong đó: Vốn ODA: 80% ; vốn đối ứng 20 %. Vốn ODA của Quỹ hỗ trợ phát triển kinh tế Hải ngoại Nhật Bản (OECE) nay là JBIC (ngân hàng hợp tác quốc tế Nhật Bản) cho vay 30 năm, ân hạn 10 năm, sau đó mới tính lãi 1,85 % / năm. Vốn trong nước được sử dụng chủ yếu cho công tác giải phóng mặt bằng (GPMB), chiếm khoảng 80%, còn lại chi cho chi phí phục vụ chi phí chuẩn bị đầu tư (khảo sát, thiết kế, lập dự án).

Quá trình đô thị hoá với sự tăng dân số đáng kể đã làm tăng nhanh lượng nước thải. Trong khi đó hệ thống thoát nước hiện có đang trở nên lạc hậu và giảm công suất vận chuyển, gây úng ngập khu vực nội thành và xuống cấp chất lượng nước ở các sông hồ xung quanh, ảnh hưởng đến môi trường thành phố, gây tác hại đến hoạt động phát triển kinh tế xã hội. Chính phủ Việt Nam quan tâm đến việc cải thiện hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, đã xem xét việc đầu tiên cần giải quyết là việc thiết lập một quy hoạch toàn diện và đã yêu cầu Chính phủ Nhật Bản (JICA) thực hiện nghiên cứu này vào tháng 12/1992. Tháng 6/1993, Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) cử một đoàn khảo sát sơ bộ để đàm phán với Chính phủ Việt Nam về khuôn khổ dự án cho việc nghiên cứu và được ký vào ngày 10/6/1993.

Tổ chức JICA (Nhật Bản) tài trợ không hoàn lại phần nghiên cứu Quy hoạch tổng thể. Phần Nghiên cứu Quy hoạch tổng thể này được Chính phủ Việt Nam duyệt và điều chỉnh lại. Phần nghiên cứu tiền khả thi và nghiên cứu khả thi do phía Việt nam đảm nhận.

Dự án được thực hiện trên địa bàn 7 quận nội thành và một phần 2 huyện Từ Liêm, Thanh Trì thành phố Hà nội với các hạng mục công trình chủ yếu sau :

+ Công trình đầu mối Yên Sở: Xây dựng hoàn chỉnh nhà trạm bơm công suất 90m³/s, giai đoạn I lắp đặt thiết bị công suất 45m³/s ; Xây dựng hồ điều hoà Yên Sở: Tổng diện tích hồ sẽ đào là 203ha, trong đó diện tích hồ là 130ha, mực nước dự kiến luôn tối thiểu là 1m ÷ 1,50m,

+ Cải tạo Sông và kênh thoát nước: Cải tạo 4 sông: sông Tô Lịch, sông Lừ, sông Kim Ngưu, sông Sét và đoạn sông phân lũ sông Sét Lừ với tổng chiều dài 34km bao gồm: nạo vét lòng sông theo mặt cắt thiết kế: kè bờ, hoàn thiện đường lai bên bờ kênh, mương, sông kết hợp với Dự án giao thông đô thị.

Cải tạo và xây dựng mới cầu cống trên kênh, mương, sông đảm bảo lưu lượng thoát nước theo thiết kế, kết hợp với Dự án giao thông đô thị.

+ Cải tạo Hồ: Tổng cộng 18 hồ có kế hoạch nạo vét, trong đó 4 hồ được nạo vét trong giai đoạn I là hồ Giảng Võ, Đống Đa, Thanh Nhàn 1, Thanh Nhàn 2 và bảo tồn 2 hồ Thiền Quang và Thành Công.

+ Xây dựng cống và trang thiết bị: Cải tạo và xây dựng tuyến cống ngầm có liên quan trực tiếp đến giải pháp thoát nước của giai đoạn I. Cải tạo 7 cửa xả lũ và cửa điều tiết. Xây dựng và tiến hành thử nghiệm xử lý nước thải tại khu vực Kim Liên và khu vực Trúc Bạch.

Thời gian đầu dự kiến hoàn thành các hạng mục công trình vào năm 2000, song trên thực tế bị chậm rất nhiều so với tiến độ và nay dự kiến hoàn thành vào tháng 6/2004. Tính đến nay dự án được thực hiện 126 tháng (từ tháng 6/1993 đến 11/2003).

Mục tiêu cần đạt được của dự án giải quyết tình trạng úng ngập do nước mưa với điều

kiện chu kỳ bảo vệ 2 năm ứng với lượng nước mưa 172mm/2 ngày trong phạm vi 77,5km² trên 7 quận nội thành và một phần 2 huyện Từ Liêm và Thanh Trì.

Từ khi triển khai đến nay, một khối lượng công việc và nhiều hạng mục hoàn thành đã chứng minh tính phù hợp của mục tiêu dự án: Hạn chế rõ rệt tình hình úng ngập ; Cải thiện môi trường. Vì vậy, có thể triển khai tiếp dự án giai đoạn II và các dự án tiếp sau để hoàn thành mục tiêu theo quy hoạch tổng thể đã được phê duyệt .

Các cơ quan của phía Việt nam có liên quan nhiều hay ít đến quá trình triển khai dự án được chia thành 2 cấp: các cơ quan cấp trung ương và cấp cơ quan cấp thành phố.

Các cơ quan Cấp trung ương có liên quan đến dự án:

Bộ Xây dựng; Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Bộ Khoa học công nghệ; Bộ Tài nguyên và môi trường; Bộ Kế hoạch và đầu tư; Bộ tài chính, Bộ Thương mại, và Tổng cục địa chính.

Các cơ quan thành phố liên quan đến dự án:

Ban quản lý dự án (BQLDA) trực thuộc Sở giao thông công chính ; Sở IV hoạch kiến trúc ; Sở Kế hoạch đầu tư ; Bảy quận, 2 huyện và Công ty.

Quy hoạch kiến trúc ; Sở Kế hoạch đầu tư ; Bảy quận, 2 huyện và Công ty Thoát nước Hà nội.

Do tính chất đầu tư của dự án gồm vốn đối ứng của phía Việt Nam và vốn vay ODA của Nhật Bản nên từ kế hoạch chi tiêu đến phương thức chi tiêu tùy theo kinh phí của bên nào thì bên đó quyết định quá trình giải ngân của mình nhưng vẫn phải tuân theo nguyên tắc bảo đảm tốt cho chất lượng và tiến độ công việc. Trong dự án có một số gói thầu trong nước và một số gói thầu của Nhật Bản. Điều kiện giải ngân của phía Nhật là: Sau khi phân chia gói thầu phải qua 2 cấp duyệt là Chính phủ Việt Nam và JBIC. Thanh toán thì uỷ quyền cho ngân hàng của phía Việt Nam. Phía Nhật Bản chuyển hết tiền một lần về ngân hàng Việt Nam. Nếu phân đối gói thầu nào thì phía Nhật gửi thư ngay. Phương thức giải ngân theo hướng dẫn của nhà tài trợ JBIC và các qui định về quản lý đầu tư xây dựng của phía Việt Nam. Có một số nhà thầu Việt Nam ban đầu chưa quen với quy định của nhà tài trợ nên việc hoàn thành các thủ tục giải ngân gặp khó khăn.

Các chuyên gia tham gia dự án chủ yếu là người Nhật, có một số người Anh, người Trung Á, Bắc Á, Châu Phi. Họ tham gia trong hầu hết các công việc: Lập quy hoạch tổng thể và xây dựng dự án; Tư vấn thiết kế; Giám sát thi công các hạng mục công trình; Trực tiếp thực hiện một số hạng mục công việc về cung cấp công nghệ thiết bị như: Thiết bị nạo vét (gói thầu CP2), thiết bị trạm bơm cửa điều tiết và hệ thống điều khiển (gói thầu CP8), công nghệ và thiết bị trạm xử lý nước thải (gói thầu CP12)- Phương thức chuyển giao công nghệ kỹ thuật từ phía nước ngoài trong dự án chủ yếu theo hình thức đấu thầu trọn gói từ khâu thiết kế chi tiết, thi công, bàn giao và chuyển giao).

Các Công nghệ được chuyển giao cho dự án so với thế giới chưa phải là công nghệ cao, tuy nhiên so với Việt nam thì đều là lần đầu tiên được áp dụng. Đó là:

- Công nghệ và thiết bị nạo vét hệ thống thoát nước bằng cơ giới.
- Công nghệ và thiết bị trạm bơm công suất lớn.
- Công nghệ và thiết bị điều khiển trạm bơm cửa điều tiết.
- Công nghệ và thiết bị xử lý nước thải đô thị.

Sự tham gia của các chuyên gia nước ngoài là rất cần thiết đặc biệt đối với việc áp dụng các thiết bị công nghệ mới cho hệ thống thoát nước thành phố Hà Nội.

Dự án tổ chức lấy ý kiến của người dân trong vùng ảnh hưởng trong cả 3 giai đoạn: Khi khảo sát tiền khả thi; Quá trình thực hiện và sau khi hoàn thành từng phần dự án chủ yếu về vấn đề giải phóng mặt bằng và tác động môi trường. Hình thức lấy ý kiến chủ yếu là: Đăng báo, lập phiếu điều tra, phỏng vấn.

Khó khăn lớn nhất hiện nay trong việc thực hiện dự án nằm ở khâu giải toả mặt bằng, nguyên nhân do: Dự án nằm trên địa bàn rộng trên khắp các Quận nội thành và 2 huyện Thanh Trì, Từ Liêm với phạm vi thu hồi đất rất lớn, số lượng các hộ dân phải đền bù mặt bằng, giải toả di dời rất lớn.

Kết quả thực hiện:

Dự án thoát nước Hà Nội giai đoạn I đạt được kết quả sau. Giải quyết tình trạng úng ngập do nước mưa với điều kiện chu kỳ bảo vệ 2 năm ứng với lượng nước mưa 172mm/2 ngày trong phạm vi 77,5km² trên 4 quận nội thành và một phần 2 huyện Từ Liêm và Thanh Trì. Thử nghiệm biện pháp xử lý nước thải ở khu vực Kim Liên, Trúc Bạch để thực hiện Dự án xử lý nước thải toàn vùng trong giai đoạn I với biện pháp hiệu quả nhất phù hợp với điều kiện của thành phố. Nạo vét bùn, khơi thông dòng chảy trên toàn bộ hệ thống mương, sông để khắc phục tình trạng nước thải ứ đọng gây ô nhiễm môi trường nước, cải thiện điều kiện sống nhân dân trong khu vực đô thị hoá.

Giảm hậu quả thiên tai do ngập lụt và duy trì sự ổn định bền vững lâu dài cho hệ thống thoát nước đô thị và bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên trong quá trình phát triển, mở rộng không gian Thủ đô.

Tuy nhiên dự án chưa đáp ứng được tiến độ theo kế hoạch dự kiến ban đầu là 3 năm, do chậm thiết kế chi tiết, phê duyệt trong giai đoạn chuẩn bị thực hiện và thực hiện. Các nguyên nhân chủ yếu làm cho dự án không hoàn thành theo đúng tiến độ:

+ Thủ tục, quy trình phê duyệt, thẩm định của Chính phủ là một trong những yếu tố lớn nhất gây ra chậm trễ ở mỗi giai đoạn như duyệt phát sinh, kế hoạch đấu thầu, thiết kế chi tiết, kết quả đấu thầu, thực hiện hợp đồng và thanh toán, các Chủ đầu tư phải chịu ảnh hưởng của việc ra quyết định chậm của các cấp có thẩm quyền.

+ Quá trình chuẩn bị đầu tư kéo dài không phù hợp với thay đổi trong thực tế, phải điều chỉnh và bổ sung. Sự không đồng bộ về thủ tục giữa Chính phủ Việt Nam và nhà tài trợ nước ngoài- Công tác giải phóng mặt bằng và tái định cư còn gặp nhiều khó khăn về mức giá đền bù và tái định cư.

Nét chung của hai dự án trên là mang lại hiệu quả rất thiết thực cho Thành phố Hà Nội, song tiến trình triển khai còn chậm do các khâu thủ tục hành chính và công tác giải phóng mặt bằng.